

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày: 09 – 4 - 2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y B Loh Mlô và ông Y Míp Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐST - DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST – DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, phường 8, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh P (Có mặt).

Địa chỉ: 69, quốc lộ 14, thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Trần Công S và bà Nguyễn Thị Hương G (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Thôn Gi, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Mỹ L (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Khánh Ph trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Đ – Phòng giao dịch Đ1 (Sau đây gọi tắt là ngân hàng) và ông Trần Công S và bà Nguyễn Thị Hương G đã ký kết 02 hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng cho vay số LD 1613900740 ngày 24/5/2016 với nội dung: Ngân hàng cho ông Trần Công S và bà Nguyễn Thị Hương G vay số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 25/5/2021, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11.5%/năm, trả lãi theo 05 kỳ, mỗi kỳ là 12 tháng; kỳ 1, kỳ 2, kỳ 3, kỳ 4: mỗi kỳ trả 80.000.000 đồng; kỳ 5: trả

130.000.000 đồng, lãi trả 6 tháng/lần, kể từ ngày nhận tiền vay. Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp. Lãi suất cho vay: 11,5%/năm.

+ Hợp đồng thứ 2 Hợp đồng cho vay số LD 1715400152 ngày 05/6/2017 với nội dung: Ngân hàng cho ông Trần Công S và bà Nguyễn Thị Hương G vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 05/6/2018, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11%/năm, trả lãi 06 tháng/lần, kể từ ngày nhận tiền vay. Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp.

Tổng số tiền vay theo 02 Hợp đồng là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho ông S và bà G sau khi ký kết hợp đồng.

Tài sản ông S và bà G thế chấp để bảo đảm tiền vay là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 465, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận QSD đất số BQ 834117 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 19/12/2013 mang tên Hộ bà Nguyễn Thị Hương G, diện tích đất là 4449,8m², địa chỉ thửa đất tại thôn G, xã T, huyện K, Đắk Lắk.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 468, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận QSD đất số BQ 834118 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 19/12/2013 mang tên Hộ bà Nguyễn Thị Hương G, diện tích đất là 3956,6m², địa chỉ thửa đất tại thôn G, xã T, huyện K, Đắk Lắk.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 495, tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận QSD đất số BQ 834119 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 19/12/2013 mang tên Hộ bà Nguyễn Thị Hương G, diện tích đất là 2285,9m², địa chỉ thửa đất tại thôn G, xã T, huyện K, Đắk Lắk.

Việc thế chấp được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 125/2016/HĐTC ngày 24/5/2016 và được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình vay, đến tháng 5/2018 đối với hợp đồng thứ nhất ông S và bà G mới trả được 80.000.000 đồng tiền gốc và 75.248.110 đồng tiền lãi, sau đó ông S và bà G không tiếp tục thực hiện việc trả nợ. Tính đến ngày ngân hàng làm đơn khởi kiện (Ngày 10/8/2020) tổng số nợ của hợp đồng này là 523.008.374đ, gồm: Nợ gốc là 370.000.000đ, nợ lãi là 153.008.374đ; Đối với Hợp đồng cho vay số LD 1715400152 ngày 05/6/2017 ông S và bà G chỉ trả được được 2.757.534 đồng tiền lãi. Tính đến ngày ngân hàng làm đơn khởi kiện tổng số nợ của hợp đồng này là 70.190.835đ, gồm nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi là 20.190.835đ. Kể từ khi ngân hàng khởi kiện tại Tòa án đến nay ông S và bà G không tiếp tục trả nợ.

Do ông S, bà G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Công S và bà Nguyễn Thị Hương G trả tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử (Ngày 09/4/2021) là 645.055.000đ (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu không trăm năm mươi lăm ngàn đồng), trong đó: Nợ gốc là 420.000.000đ, nợ lãi là 225.055.000đ. Đồng thời, phải chịu lãi suất phát sinh tiếp theo theo hợp đồng cho vay mà các bên ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp, ông Trần Công S và bà Nguyễn Thị Hương G không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP S đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào hồ sơ do nguyên đơn cung cấp thì chị Trần Thị Mỹ L là thành viên hộ gia đình ông S và đã trên 18 tuổi, căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định chị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm việc và hòa giải nhưng các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông bà Trần Công S - Nguyễn Thị Hương G đã xác lập giao dịch vay tiền. Do ngân hàng cho rằng ông S và bà G không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định tranh chấp giữa ngân hàng với ông S và bà G là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên, ông bà Trần Công S - Nguyễn Thị Hương G và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có mặt để làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

+ Về số tiền vay: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập đã có cơ sở xác định: giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông bà Trần Công S - Nguyễn Thị Hương G đã ký kết 02 hợp đồng tín dụng, bao gồm:

+ Hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng cho vay số LD 1613900740 ngày 24/5/2016, số tiền vay là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng)

+ Hợp đồng thứ 2: Hợp đồng cho vay số LD 1715400152 ngày 05/6/2017, số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

+ Về số tiền đã trả: Trong thời hạn hợp đồng, ông S và bà G mới trả được một phần tiền nợ gốc và nợ lãi của hợp đồng thứ nhất, cụ thể: Số tiền gốc đã trả là 80.000.000đ, số tiền lãi đã trả là 75.248.110đ; Hợp đồng thứ hai ông S và bà G trả số nợ lãi là 2.757.534đ.

Số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử: Hợp đồng cho vay số LD 1613900740 ngày 24/5/2016: Nợ gốc là 370.000.000đ, nợ lãi là 199.543.000đ; Hợp đồng cho vay số LD 1715400152 ngày 05/6/2017: Nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi là 25.512.000đ

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng thứ nhất thì ngân hàng cho ông S và bà G vay tiền theo phương thức trả nợ theo kỳ. Tuy nhiên ông S và G chỉ mới trả được một phần nợ gốc và nợ lãi, mặc dù đã quá hạn trả nợ nhiều kỳ; Hợp đồng thứ hai có thời hạn trả nợ là ngày 05/6/2018. Tuy nhiên cho đến nay đã quá thời hạn, nhưng ông S và bà G vẫn chưa trả nợ gốc, nợ lãi cho ngân hàng. Mặc dù ông S và bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nhưng cũng không bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để xử lý nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên phải chịu lãi suất trong hạn và quá hạn theo nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán số nợ gốc và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S, buộc ông Trần Công S và bà Nguyễn Thị Hương G phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử là 645.055.000đ (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu không trăm năm mươi lăm ngàn đồng), trong đó: Nợ gốc là 420.000.000đ, nợ lãi là 225.055.000đ, đồng thời buộc ông S và bà G phải chịu lãi suất tiếp theo, theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, kể từ ngày 20/01/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông S và bà G đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 125/2016/HĐTC ngày 24/5/2016. Như vậy khoản vay của ông S và bà G tại ngân hàng có tài sản bảo đảm. Vì vậy nếu ông S và bà G không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông S và bà G để thu hồi nợ.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; bị đơn không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $20.000.000đ + 4\% \times (645.055.000đ - 400.000.000đ) = 29.802.200đ$.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

1. Buộc ông Trần Công S và bà Nguyễn Thị Hương G phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền 645.055.000đ (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu không trăm năm mươi lăm ngàn đồng), trong đó: Nợ gốc là 420.000.000đ, nợ lãi là 225.055.000đ. (Cụ thể: Hợp đồng cho vay số LD 1613900740 ngày 24/5/2016: Nợ gốc

là 370.000.000đ, nợ lãi là 199.543.000đ; Hợp đồng cho vay số LD 1715400152 ngày 05/6/2017: Nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi là 25.512.000đ).

Kể từ ngày 10/3/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Công S và bà Nguyễn Thị Hương G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LD 1613900740 ngày 24/5/2016 và tại Hợp đồng cho vay số LD 1715400152 ngày 05/6/2017.

Sau khi ông Trần Công S và bà Nguyễn Thị Hương G trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần , thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có nghĩa vụ trả lại cho ông S và bà G 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận QSD đất số BQ 834117 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 19/12/2013; giấy chứng nhận QSD đất số BQ 834118 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 19/12/2013 và giấy chứng nhận QSD đất số BQ 834119 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 19/12/2013, tất cả đều mang tên Hộ bà Nguyễn Thị Hương G.

Trường hợp ông S và bà G không trả hoặc trả không hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Hợp đồng thế chấp số 125/2016/HĐTC ngày 24/5/2016 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Trần Công S và bà Nguyễn Thị Hương G phải nộp 29.802.200đ (Hai mươi chín triệu tám trăm linh hai ngàn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 11.863.000đ (Mười một triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0009353 ngày 21/9/10/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN